TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2022/HC-PT
Ngày: 03/8/2022
"V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 163/2022/TLPT-HC ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6441/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa:

***1. Người khởi kiện**:* Ông Dương Xuân H, sinh năm 1959, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị H, sinh năm 1959, có mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thành D, Luật sư Văn phòng luật sư X, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; Địa chỉ: Đường C, phường M, thành phố V, tỉnh Nghệ An, có mặt.

***2. Người bị kiện**:*

- Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C, Phó Chủ tịch UBND thành phố V, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

- UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Cao C, Chủ tịch UBND xã H, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, có mặt.

4. Người làm chứng:

Bà Chu Thị V; bà Dương Thị H; ông Dương Xuân L, ông Dương Xuân B, ông Lê Văn T, ông Y (ông T và ông Y có mặt).

Đều trú tại: Đội 3, xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

5. Người kháng cáo: Ông Dương Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Dương Xuân H trình bày:

Từ trước năm 2004, gia đình ông có khai hoang trồng lúa, đào ao nuôi cá với tổng diện tích đất (do gia đình tự đo vẽ) là 15.707,47m^2, trong đó có 8.400,8m^2 tại các thửa số 153 và 155 thuộc tờ bản đồ số 26 xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (theo trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính để thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa). Việc khai hoang và sử dụng đất là có giấy đăng ký thực hiện theo mô hình V.A.C - V.A.C.R và Cá, Lúa, Vịt ngày 19/7/2004; được Hợp tác xã P xác nhận; có biên bản làm việc ngày 05/7/2019 của tổ xác minh giải quyết đơn thư khiếu nại đối với các ông Dương Xuân L, ông Dương Xuân B, bà Chu Thị V là những người có đất gần đất gia đình ông đã xác nhận ông đã khai hoang sử dụng đất trước năm 2003 và có rất nhiều người xác nhận cho ông việc đào ao nuôi cá từ năm 2003. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện dự án xây dựng Hồ điều hòa tại xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, UBND xã H lại xác nhận nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất đối với phần diện tích 8.400,8m^2 là sau ngày 01/7/2004 và UBND thành phố V đã thu hồi diện tích đất 8.400,8m^2 đất nông nghiệp nói trên; lập phương án chi tiết về bồi thường hỗ trợ thực hiện dự án để bồi thường giải phóng mặt bằng theo xác nhận về nguồn gốc đất của UBND xã. Việc UBND xã H xác nhận phần diện tích trên sử dụng sau ngày 01/7/2004 là chưa đúng với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, ảnh

hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình nên ông đã làm đơn khiếu nại (lần 1) đến Chủ tịch UBND xã H.

Ngày 19/12/2018, Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H thường trú tại xóm P, xã H, thành phố V (lần đầu) và không chấp nhận khiếu nại của ông H. Do ông H tiếp tục khiếu nại, ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5132/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H thường trú tại xóm P, xã H, thành phố V (lần 2) giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã H.

Ngày 14/8/2020, ông H làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H trú tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần 2); Hủy bỏ Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H, trú tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần đầu); Buộc UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An xác nhận nguồn gốc, diện tích đất 8.400,8m^2 gia đình ông sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Sỹ C, trình bày:

Ngày 19/12/2018, Chủ tịch UBND xã H đã có Quyết định số 996/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H trú tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, nhưng ông H không đồng ý và có đơn tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố V.

Ngày 24/5/2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2917/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông H và Đoàn xác minh đã tiến hành rà soát hồ sơ làm việc các đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan để kiểm tra xác minh nội dung khiếu nại. Kết quả kiểm tra xác minh cụ thể như sau:

Các giấy tờ, tài liệu do ông Dương Xuân H cung cấp không chứng minh số diện tích 8.400,8m^2 nêu trên đã được gia đình sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Từ trước đến nay gia đình không thực hiện kê khai đăng ký đất đai đối với phần diện tích đang khiếu nại.

Theo kết quả kiểm tra xác minh thì sông Đ bắt nguồn từ kênh B chảy đến địa bàn xã T có tác dụng lưu thông nguồn nước của toàn bộ khu vực dân cư trên địa bàn xã L, xã H và các khu vực mà con sông chảy qua. Việc điều chỉnh dòng chảy sông Đ được thực hiện vào khoảng năm 2005 đến 2006 và một phần do Hợp tác xã nông nghiệp L đã đào đất đắp bờ tại bờ Vùng 1 để thực hiện chủ trương nuôi trồng thủy sản của UBND tỉnh Nghệ An; một

phần do các hộ dân xã H sát khu vực này thực hiện khai hoang, đào ao để sản xuất. Qua xác minh, có một số ý kiến trái chiều về thời điểm khai hoang, tuy nhiên cơ bản những người được xác minh đều khẳng định gia đình ông Dương Xuân H đào ao vào năm 2005. Mặt khác, theo sổ mục kê và bản đồ đo đạc năm 2001 thể hiện phần diện tích đất ông H có đơn khiếu nại đang là đất sông Đ do UBND xã quản lý. Do đó, việc sản xuất trên toàn bộ diện tích này chỉ thực hiện được trên dòng chảy của sông Đ bị điều chỉnh (khoảng năm 2005 -2006). Việc gia đình ông H cho rằng đã khai hoang cả dòng sông vào năm 2004 (trước thời điểm đào ao) là không hợp lý và nếu vậy sẽ mất dòng chảy của sông. Do đó, căn cứ vào Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 thì việc ông H cho rằng phần diện tích đất nông nghiệp 8.400,8m^2 đã được gia đình ông sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 là không có cơ sở.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh thì việc ông H cho rằng phần diện tích đất nông nghiệp 8.400,8m^2 đã được gia đình sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 và khiếu nại UBND xã H xác nhận sai nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với phần diện tích 8.400,8m^2 tại 2 thửa đất số 153 và 155 thuộc tờ bản đồ số 26 (sau khi đã trừ đi 331,2m^2 được điều chỉnh lại phương án bồi thường đất có nguồn gốc sử dụng đất trước ngày 01/7/2004) khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án hồ điều hòa và xác nhận diện tích đất bị thu hồi còn thiếu 1.196,77m^2 là không có cơ sở. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H (lần 2) là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã H, trình bày:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Dương Xuân H, UBND xã H đã thụ lý nội dung và tiến hành kiểm tra xác minh làm cơ sở để giải quyết nội dung khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2018, tổ xác minh đã làm việc với bà Dương Thị P, thể hiện trong tổng số đất của ông H có một phần được giao khoán ổn định theo nhân khẩu cho gia đình ông H và một phần do gia đình ông H khai hoang để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, bà không biết được diện tích gia đình ông H khai hoang là bao nhiêu, thời điểm gia đình ông H đào ao cùng lúc với các hộ khác ở khu vực này là từ năm 2005, việc gia đình ông H cho rằng UBND xã H đã xác nhận hồ sơ bồi thường thiếu diện tích đất bà không biết.

Ngày 05/10/2018, tổ xác minh làm việc với ông Dương Văn H1, thể hiện gia đình ông H đào ao sau gia đình ông H1 là 1 năm, thời điểm gia đình

ông H1 đào ao là năm 2004, sau khi thực hiện việc đào ao thì gia đình ông H mới khai hoang thêm đất tại ngọn hói Đ để nuôi trồng thủy sản.

Kết quả làm việc với nguyên chủ nhiệm Hợp tác xã P là ông Phạm Ngọc T, thể hiện: Thời điểm gia đình ông H đào ao trên thửa đất số 153 và số 155 thuộc tờ bản đồ số 26 (theo trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính để thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa) là từ năm 2005. Thời điểm này gia đình ông H đào ao là cùng thời điểm với các gia đình khác trong khu vực. Tại thời điểm thu sản phẩm vụ Đông Xuân năm 2005, đất biền K của gia đình ông H thì hợp tác xã P đang thu đất trồng lúa với diện tích 5 sào, mỗi sào 7kg thóc. Đến năm 2006, thì hợp tác xã P mới chuyển sang thu sản phẩm đất ao hồ với diện tích 5 sào, mỗi sào 12kg thóc. Đối với phần diện tích đất khai hoang thì gia đình ông H không khai báo với hợp tác xã P nên ông không biết được thời điểm gia đình ông H khai hoang. Từ trước đến nay hợp tác xã P không thu bất cứ khoản thu nào đối với phần diện tích gia đình ông H khai hoang tại 2 thửa đất nói trên. Việc gia đình ông H cho rằng UBND xã H xác định hồ sơ bồi thường đang thiếu diện tích thì ông không nắm rõ.

Kết quả làm việc với ông Dương Quốc T, nguyên là đội trưởng đội sản xuất năm 2003 và Chủ nhiệm hợp tác xã P từ năm 2012 đến năm 2016, thể hiện: gia đình ông H đào đất để làm ao tại xứ đồng K là năm 2005, thời điểm thu sản phẩm vụ Đông Xuân năm 2005 hợp tác xã P đang thu sản phẩm đất trồng lúa, đến năm 2006 mới chuyển sang thu sản phẩm đất nuôi trồng thủy sản đối với 2 thửa đất mà hiện nay ông H đang khiếu nại. Tại thời điểm ông H đào ao có khai hoang thêm một phần diện tích nhưng ông không biết được vị trí và diện tích cụ thể bao nhiêu.

Kết quả làm việc với ông Vương Đình Th, Phó giám đốc Hợp tác xã P thể hiện: Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TU năm 2001 của Ban thường vụ Tỉnh ủy, gia đình ông H có 5 khẩu, mỗi khẩu được chia 700m^2. Năm 2003, khi thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị số 02/CT-TU gia đình ông H đã chuyển đổi đất được giao khoán ổn định theo nhân khẩu vào biền K và biền N. Cụ thể là sau khi chuyển đổi biền K có diện tích 2.500m^2 và biền N có diện tích 1.333m^2 (bao gồm cả phần quy hoạch mở mương) sau khi trừ diện tích quy hoạch mở mương thì gia đình ông H còn lại tại biền N là 1.141,0m^2. Kể từ đây gia đình ông H không thực hiện dồn điền đổi thửa thêm một lần nào nữa.

Đối với đất tại xứ K và N thời điểm gia đình ông H đào ao trên thửa đất số 153 và thửa số 155 tờ bản đồ số 26 là từ năm 2005 cùng thời điểm với các hộ gia đình khác tại thời điểm thu sản phẩm vụ Đông Xuân năm 2005, đất biền K của gia đình ông H thì hợp tác xã P đang thu đất trồng lúa với diện tích 5 sào, mỗi sào 7kg thóc. Đến năm 2006, thì hợp tác xã P mới chuyển sang thu sản phẩm đất ao hồ với diện tích 5 sào, mỗi sào 12kg thóc.

Đối với phần diện tích đất khai hoang thì gia đình ông H không khai báo với hợp tác xã P nên ông không biết được thời điểm gia đình ông H khai hoang. Từ trước đến nay Hợp tác xã P không thu bất cứ khoản thu nào đối với phần diện tích gia đình ông H khai hoang tại 2 thửa đất nói trên. Việc gia đình ông H cho rằng UBND xã H xác định hồ sơ bồi thường đang thiếu diện tích thì ông không nắm rõ.

Kết quả kiểm tra bản đồ địa chính và sổ mục kê đo đạc năm 2001: Theo bản đồ đại chính đo đạc năm 2001 và sổ mục kê thể hiện thì phần diện tích đất gia đình ông H cho rằng khai hoang trước ngày 01/7/2004, thuộc tờ bản đồ số 26, không có số thửa và thể hiện là đất sông Đ do UBND xã H quản lý.

Kết quả kiểm tra sổ giao khoán của hợp tác xã: Theo sổ giao khoán của hợp tác xã được lập năm 2003 và phương án thu sản phẩm hàng năm thì đất tại biền K của gia đình ông H chỉ có 2.500m^2 đất được giao khoán ổn định theo nhân khẩu, ngoài ra gia đình ông H không có thêm diện tích loại đất nào khác.

Kết quả kiểm tra giấy tờ do gia đình cung cấp bao gồm kiểm tra sổ kho năm 1983 và sổ tổng hợp diện tích đất thì 2 sổ này không đủ cơ sở pháp lý và chưa phản ánh được trước ngày 01/7/2004 gia đình ông H có đất khai hoang tại xứ đồng K; sơ đồ thửa đất do gia đình cung cấp việc đo đạc là do gia đình tự đo không đúng trình tự thủ tục chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận nên không có cơ sở để khẳng định 2 thửa đất của gia đình ông H có tổng diện tích là 15.707,47m^2 như gia đình đã trình bày.

Nội dung ông H khiếu nại UBND xã H đã xác nhận sai nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với 8.400,8m^2 đất nông nghiệp của gia đình khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án hồ điều hòa đã được gia đình sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 là khiếu nại sai bởi vì ông H không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh số diện tích đất 8.400,8m^2 đã được gia đình sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 đến thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án. Theo sổ mục kê và bản đồ đo đạc năm 2001 thể hiện thì phần diện tích đất ông H đang có khiếu nại là đất sông Đ do UBND xã quản lý, đồng thời từ trước đến nay gia đình không thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước đối với phần đất đang khiếu nại.

Căn cứ vào Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 thì việc ông H cho rằng phần diện tích đất nông nghiệp 8.400,8m^2 đã được gia đình sử dụng từ trước ngày từ trước ngày 01/7/2004 và xác nhận diện tích đất bị thu hồi còn thiếu 1.196,77m2 là không có cơ sở. Do đó, việc Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H, trú tại xóm

P, xã H, thành phố V (lần đầu) là đảm bảo đúng quy định. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khiếu nại UBND xã H xác nhận diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông H bà H tại thửa đất số 153 và số 155 thuộc tờ bản đồ số 26 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa còn thiếu 1.196,77m^2 , chỉ đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V và hủy một phần Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND xã H giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H về việc xác nhận sai nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với 8.400,8m^2 đất nông nghiệp tại thửa đất số 153 và số 155 thuộc tờ bản đồ số 26 sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 18, Điều 31, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại; khoản 3 Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 84, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An; Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H đối với khiếu nại UBND xã H xác nhận diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông H bà H tại thửa đất số 153 và số 155 thuộc tờ bản đồ số 26 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa còn thiếu 1.196,77m^2.

2. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H, đề nghị Tòa án hủy một phần các quyết định: Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H, trú tại xóm P, xã H, thành phố V (lần 2) và Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H, thường trú tại xóm P, xã H, Thành phố V (lần đầu); Buộc Ủy ban nhân dân xã H,

thành phố V, tỉnh Nghệ An xác nhận nguồn gốc, diện tích đất 8.400.8m^2 gia đình ông sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, ông Dương Xuân H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện (Tòa án nhận được đơn ngày 15/10/2021).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Dương Xuân H giữ nguyên nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp là đã có cở sở để xác định gia đình ông H sử dụng diện tích đất nêu trên trước ngày 01/7/2004, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Tuy nhiên, quyết định của bản án sơ thẩm không nêu một phần cụ thể trong quyết định hành chính bị kiện khi tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên cụ thể một phần của quyết định là đối với diện tích đất 8.400,8m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12 tháng 10 năm 2021, ông Dương Xuân H có đơn kháng cáo (Tòa án nhận được đơn ngày 15/10/2021) Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, là trong thời hạn nên được xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 17/8/2020, ông Dương Xuân H có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H, thường trú tại xóm P, xã H,

thành phố V và Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H (lần 2) đều là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và trong thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Dương Xuân H:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã giao đơn vị chuyên môn tiến hành tiến hành kiểm tra, rà soát, xác minh, tổ chức đối thoại theo quy định. Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H, thường trú tại xóm P, xã H, thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H (lần 2), là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Điều 18; Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 37, Điều 38, Điều 39; Điều 40 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo trình bày của người khởi kiện thì diện tích đất 8.400,8m^2 nêu trên là do gia đình ông khai hoang sử dụng từ trước năm 2004, nhưng xem xét các tài liệu chứng cứ do ông H cung cấp thì thấy: Sổ kho năm 1983 và sổ tổng hợp diện tích không có ý kiến phê duyệt hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời các nội dung trong đó không thể hiện diện tích, vị trí, thời điểm sản xuất, khai hoang sử dụng đất của gia đình ông H đối với diện tích đất đang có yêu cầu; Giấy xác nhận quyền sử dụng đất đã được UBND xã H xác nhận ngày 18/3/2002 không thể hiện cụ thể diện tích, vị trí gia đình đang sử dụng; Bản sơ họa diện tích hiện trạng do gia đình cung cấp là do gia đình tự đo không đúng trình tự, thủ tục, chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận; Đơn xin hưởng quyền lợi ngày 08/11/2017 có chữ ký của một số người làm chứng cũng không có đầy đủ nội dung cụ thể để chứng minh về vị trí, diện tích đất khai hoang và sử dụng trước ngày 01/7/2004; Giấy đăng ký dự án thực hiện theo mô hình VAC-VACR và Cá Lúa Vịt ngày 19/7/2004 có xác nhận của Hợp tác xã P không phải là một trong những giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai và cũng không thể hiện đúng vị trí diện tích đất đang có yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, căn cứ theo sổ mục kê và bản đồ đo đạc năm 2001 thể hiện phần diện tích đất ông H có đơn khiếu nại là đất sông Đ do UBND xã quản lý. Các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2004 UBND tỉnh Nghệ An có chủ trương thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản tại xã L, khoảng cuối năm 2005, đầu năm 2006 UBND xã L đã triển khai việc đào ao để thực hiện dự án nên UBND xã L đã đào sông Đ để lấy đất đắp bờ ao, bờ sông vùng 1 giáp ranh với xã H gần khu vực ao của ông H. Sau khi xã L nắn sông Đ thì các hộ dân khu vực này mới khai hoang đào ao trên nền dòng chảy cũ. Thời điểm thu sản phẩm vụ Đông Xuân năm 2005 hợp tác xã P đang thu sản phẩm đất trồng lúa, đến năm 2006 mới chuyển sang thu sản phẩm đất nuôi trồng thủy sản đối với 2 thửa đất mà hiện nay ông H đang khiếu nại.

Tại phiên tòa, Ông H có xuất trình một số chứng cứ và có một số người làm chứng trình bày, nhưng nội dung đều không thể hiện và khẳng định được vị trí, diện tích đất nêu trên một cách cụ thể, chính xác. Đồng thời, xác nhận của một số cá nhân có trong hồ sơ vụ án có các nội dung không thống nhất, nên không có cơ sở để xác định về diện tích, vị trí và thời điểm sử dụng đất như ông H trình bày. Cho đến nay, ông H cũng không thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, không cung cấp được các loại giấy tờ theo quy định để chứng minh số diện tích 8.400,8m^2 nêu trên đã được gia đình sử dụng từ trước ngày 01/7/2004.

[3.2.2] Về thực hiện chính sách giải phóng mặt bằng và bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ vào hồ sơ trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính thực hiện dự án xây dựng Hồ điều hòa theo mốc giới đã được hợp tác xã nông nghiệp và các hộ dân xác định, cắm mốc tại thực địa. Ngày 16/7/2015, UBND thành phố V đã phê duyệt trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính số 108/2015/BĐĐC theo đúng quy định. Theo đó, phần diện tích đất ông Dương Xuân H sử dụng thể hiện tại các thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 với diện tích 5.609.6m^2, loại đất NTS (trong đó diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án là 5.782,5m^2) thửa đất số 155 tờ bản đồ số 26 với diện tích 8.891.6m^2 loại đất NTS (trong đó diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án là 5.449,5m^2.

Căn cứ vào hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện xây dựng hồ điều hòa và trên cơ sở nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông H như đã nhận định ở phần trên. Trung tâm phát triển quỹ đất đã lập phương án bồi thường hỗ trợ cho ông Dương Xuân H đối với thửa đất số 153 và số 155 tờ bản đồ số 6 xã H với tổng diện tích thu hồi là 11.232m^2. Ngày 10/8/2015, UBND thành phố V đã phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho các gia đình bị ảnh hưởng, trong đó gia đình ông H được bồi thường hỗ trợ tại thửa số 153 và số 155 với tổng diện tích 11.232m^2 cụ thể bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp giao khoán ổn định theo nhân khẩu là 2.500m^2 và hỗ trợ diện tích sử dụng sau ngày 01/7/2004 là 8.732,0m^2. Tuy

nhiên, do trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính số 108/2015/BĐĐC và số 244/2017/BĐĐC thể hiện chưa đúng loại đất trong thửa 153. Do đó căn cứ trích lục bản đồ địa chính khu đất UBND xã H đã thực hiện xác nhận lại một phần nguồn gốc đối với thửa 153 để Trung tâm phát triển quỹ đất lập phương án điều chỉnh phê duyệt lại phương án bồi thường cho gia đình ông H đối với diện tích 331,2m^2 có nguồn gốc sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Ngày 22/5/2018 UBND thành phố V đã có Quyết định số 2937/QĐ-UBND về việc điều chỉnh loại đất thu hồi tại Quyết định số 9669/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 về phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông H tại thửa đất số 153 tờ số 26. Hộ gia đình ông H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.254.612.000 đồng.

Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) và Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đều không chấp nhận khiếu nại của ông Dương Xuân H là có căn cứ pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Căn cứ Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 thì việc ông H cho rằng phần diện tích đất nông nghiệp 8.400,8m^2 đã được gia đình sử dụng trước ngày 01/7/2004 là không có cơ sở. Do đó, bác yêu cầu khởi kiện đối với ông Dương Xuân H là có căn cứ.

[3.2.3] Đối với yêu cầu UBND xã H xác nhận lại nguồn gốc đất:

Như nhận định ở phần trên thì việc UBND xã H xác nhận về nguồn gốc diện tích đất 8.400,8m^2 như nêu trên là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

[4] Từ những nhận định trên, thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Dương Xuân H và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện. Tuy nhiên, do quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể đối với phần quyết định không được chấp nhận theo yêu cầu của người khởi kiện, nên cần sửa bản án sơ thẩm và bổ sung đầy đủ, cụ thể trong quyết định của bản án phúc thẩm. Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Dương Xuân H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Xuân H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, cụ thể:

Căn Điều 3, Điều 116, Điều 173, Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Điều 18, Điều 31, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 84, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H về nội dung khiếu nại UBND xã H xác nhận diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông H bà H tại thửa đất số 153 và số 155 thuộc tờ bản đồ số 26 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa còn thiếu 1.196,77m^2.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H về yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H, trú tại xóm P, xã H, thành phố V (lần 2); Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân H, thường trú tại xóm P, xã H, Thành phố V (lần đầu), đối với phần diện tích đất 8.400,8m^2 và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An xác nhận nguồn gốc diện tích đất 8.400.8m^2 gia đình ông sử dụng trước ngày 01/7/2004.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Ông Dương Xuân H không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam **Nguyễn Văn Cường** **Hồ Sỹ Hưng**